

TP. HCM, ngày 30 tháng 07 năm 2025

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Dạng tóm lược):

ĐVT: VNĐ

STT	Nội dung	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100	1.130.618.210.937	1.041.057.797.571
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	371.049.097.387	311.065.797.120
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	23.545.323.564	21.729.020.442
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	347.503.773.823	289.336.776.678
IV	Hàng tồn kho	140	232.678.462.375	232.626.679.752
V	Tài sản ngắn hạn khác	150	232.678.462.375	232.626.679.752
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250)	200	3.221.354.145.217	3.221.183.469.975
I	Các khoản phải thu dài hạn	210	306.449.917.066	299.931.044.273
II	Tài sản cố định	220	276.891.793.556	270.372.920.763
III	Bất động sản đầu tư	230	29.558.123.510	29.558.123.510
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240	1.355.368.165.890	1.357.488.324.595
V	Đầu tư tài chính dài hạn	250	1.480.357.479.732	1.480.357.479.732
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270= 100+200)	270	4.351.972.356.154	4.262.241.267.546
C	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	262.927.647.255	546.235.051.064
I	Nợ ngắn hạn	310	107.878.588.964	391.185.992.773
II	Nợ dài hạn	330	22.265.350.922	22.802.596.858
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400= 410+430)	400	4.089.044.708.899	3.716.006.216.482
I	Vốn chủ sở hữu	410	4.089.044.708.899	3.716.006.216.482
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440= 300+400)	440	4.351.972.356.154	4.262.241.267.546

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Dạng tóm lược):

DVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	11.859.339.891	14.262.029.633
2	Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	31	869.209.718.772	929.220.462.019
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	851.748.981.736	898.762.864.701
4	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	847.814.755.494	897.273.126.269

III. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Dạng tóm lược):

DVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
1	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(76.707.325.628)	450.169.477.493
2	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	869.904.887.806	891.235.280.617
3	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(733.375.129.772)	(1.547.825.768.479)
4	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50= 20+30+40)	50	59.822.432.406	(206.421.010.369)
5	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	311.065.797.120	231.474.106.005
6	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	160.867.861	-
7	Ảnh hưởng của việc tái phân loại các khoản tương đương tiền cuối kỳ	62	-	-
8	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70= 50+60+61+62)	70	371.049.097.387	25.053.095.636

2146-C.T
G TY
HH
ANH VI
CÔNG NGH
THUẬN
HỒ CH

IV. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
1	Cơ cấu tài sản -Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản -Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	26 74	24 76
2	Cơ cấu nguồn vốn -Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn -Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	6 94	13 87

3	Tỷ suất lợi nhuận			
	-Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	19	21
	-Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		21	24
4	Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu	Lần	0,06	0,12
5	Hệ số bảo toàn vốn	Lần	1,1	1,02

Người lập biểu



Nguyễn Quốc Bình

Kế toán trưởng



Phan Xuân Tứ Quý

KT. Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc



Lê Tân Cường